

Số: 272/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính trong Lĩnh vực An toàn thực phẩm và
Dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân
cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 66/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 335/TTr-SYT ngày 20 tháng 01 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính (TTHC) trong Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh; phù hợp với nội dung Điều 4 tại Quy định kèm theo Quyết định số 66/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Phụ lục kèm theo).



Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện các công việc sau:

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cập nhật TTHC được công bố tại Quyết định này vào Trang Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Sở Y tế:

- Cập nhật TTHC này vào Hệ thống thông tin TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị;

- Triển khai thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

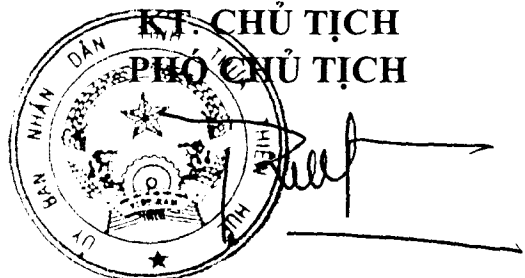
- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, hoàn thành việc cấu hình TTHC này trên Cổng Dịch vụ công tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.



Nguyễn Thanh Bình



Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng					
1.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	20 ngày	700.000 (vnd)	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị Định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư 75/TT-BTC ngày 12/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; - Quyết định số 66/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

PHẦN II

Nội dung của thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Trình tự thực hiện:

* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

* **Bước 2:** Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở trong thời hạn 05 làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp quá 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo, cơ sở không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ của cơ sở không còn giá trị. Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ mới để được cấp Giấy chứng nhận nếu có nhu cầu.

- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thành lập đoàn thẩm định hoặc ủy quyền thẩm định và lập Biên bản thẩm định (*Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính Phủ*) trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

+ Đoàn thẩm định do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ra quyết định thành lập có từ 3 đến 5 người. Trong đó có ít nhất 02 thành viên làm công tác về an toàn thực phẩm;

- Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (*Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính Phủ*);

- Trường hợp kết quả thẩm định tại cơ sở chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục, đoàn thẩm định phải ghi rõ nội dung, yêu cầu và thời gian khắc phục vào Biên bản thẩm định với thời hạn khắc phục không quá 30 ngày.

+ Sau khi có báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở, Đoàn thẩm định đánh giá kết quả khắc phục và ghi kết luận vào biên bản thẩm định. Trường hợp kết quả khắc phục đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận (theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 6 Chương III thuộc Khoản 3 Điều 2 *Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính Phủ*). Trường hợp kết quả khắc

phục không đạt yêu cầu thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo kết quả thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu bằng văn bản cho cơ sở và cho cơ quan quản lý địa phương;

- Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

- Trường hợp thay đổi tên của Hộ kinh doanh hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (*Mẫu số 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính Phủ*)

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở (có xác nhận của cơ sở);

3. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp.

5. Danh sách người kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Y tế hoặc Trung tâm Y tế cấp huyện.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

i) Phí thẩm định: 700.000 đồng/1 lần/cơ sở.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01 -Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

1. Tuân thủ các quy định tại Điều 28, 29 và Điều 30 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

a) Thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

b) Thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh và không gây ô nhiễm cho thực phẩm;

2. Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;

- Nghị Định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Thông tư 75/TT-BTC ngày 12/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Quyết định số 66/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
Mẫu số 02	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi:

Họ và tên chủ cơ sở:

Tên cơ sở sản xuất đề nghị cấp Giấy chứng nhận:

.....

Địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Điện thoại:Fax:

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sản xuất (loại thực phẩm và dạng sản phẩm...):

.....

CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở

Thực hiện Quyết định số, ngàythángnăm..... của

Hôm nay, ngàytháng..... năm, Đoàn thẩm định gồm có:

- 1 Trưởng đoàn
- 2 Thư ký
- 3 Thành viên
- 4 Thành viên
- 5 Thành viên

tiến hành thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại Fax

Đại diện cơ sở: 1

2

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. KIỂM TRA HỒ SƠ GỐC:

1. Thông tin về Giấy chứng nhận kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp.
2. Hồ sơ nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, nguồn nước sản xuất.
3. Hồ sơ xác nhận sức khỏe, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

II. KIỂM TRA THỰC TẾ VỀ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM:

1. Địa điểm, diện tích cơ sở, khu vực sản xuất/chế biến.
2. Thiết kế, kết cấu nhà xưởng sản xuất/chế biến, kho, nhà vệ sinh, nơi thay đồ bảo hộ lao động, cống rãnh thoát nước, nơi thu gom, xử lý chất thải.
3. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển, phòng chống côn trùng và động vật gây hại...
4. Nguồn nước sản xuất, chế biến thực phẩm/thức ăn.
5. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và bao bì/dụng cụ chứa đựng thực phẩm/thức ăn.
6. Sức khỏe/bệnh truyền nhiễm cấp tính của người sản xuất/chế biến

7. Các nội dung khác có liên quan.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN:

1. Đánh giá việc đáp ứng của cơ sở đối với các yêu cầu điều kiện an toàn thực phẩm (Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, nguyên liệu, nguồn nước, thực hành vệ sinh...):

2. Tồn tại và biện pháp giải quyết:

3. Kết luận⁽¹⁾:

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Thời hạn hoàn thiện: ngày kể từ ngày thẩm định.

4. Ý kiến của cơ sở được thẩm định:

Biên bản kết thúc hỏi:giờ ngày tháng năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Một bản do cơ quan thẩm định giữ và một bản do chủ cơ sở giữ.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHÁC PHỤC (ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỜ HOÀN THIỆN)

Đạt

Không đạt

Lý do không đạt:



....., ngày...tháng...năm 20...
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ tên nhóm, dạng thực phẩm được sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ ăn uống

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../ATTP-CNĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CHỦ CƠ SỞ**

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

(1)

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

....., ngày... tháng... năm...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CẤP

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Ghi rõ tên nhóm, dạng thực phẩm được sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ ăn uống